

CÔNG TY TNHH  
QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET  
(VIỆT NAM)

MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND  
MANAGEMENT COMPANY  
LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness  
-----

Số: 314/2025/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

No: 314/2025/CV-MAFM

Ha Noi, March 26th 2025

## BÁO CÁO

### REPORT

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ  
*Annual Summary of Fund Management Activities*

(2024)

(Theo mẫu Phụ lục XXV thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Enclosed with the Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

*Submitted to: The State Securities Commission of Vietnam*

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

### 1. Information about the fund

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)

a) **Fund Name:** Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund (MAGEF)

Loại hình quỹ: Quỹ Mở

*Fund Type: Open-ended Fund*

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

b) **Investment objectives of the fund**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư.

*The investment objective of the Fund is to achieve long-term net asset value growth through capital appreciation and income from investments.*

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: vô thời hạn

c) **Operating period of the fund:** Indefinite



d) **Danh mục tham chiếu:** không áp dụng

d) **Benchmark portfolio:** *Not applicable*

e) **Chính sách phân chia lợi nhuận**

e) **Profit distribution policies**

Quỹ phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư nếu:

*The Fund may only distribute profits to Investors when:*

- Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

*The Fund has fulfilled or has the financial capacity to fulfill its tax obligations and other financial obligations in accordance with the law;*

- Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

*Immediately after distributing the predetermined profits, the Fund must still ensure the full payment of all debts and other financial obligations that are due.*

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ Quỹ).

*The distribution of profits by the Fund is carried out based on the proposal of the Fund Management Company and must be approved in advance by the Investors' General Meeting or by the approval of the Fund's Representative Board (if the most recent Investors' General Meeting has authorized the Representative Board to make decisions in accordance with the Fund's Charter).*

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ.

*Form of profit distribution in cash or in Fund Units.*

f) **Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2024): 30.913.785,47**

f) **The number of outstanding fund units: 30.913.785,47**

g) **Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:** Không có.

g) **Changes in the fund's charter in reporting period: None**

h) **Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư trong kỳ báo cáo:**

h) **Contents of the resolution of the General Meeting of Investors in the reporting period:**

**ĐHNDT thường niên**

**Annual General Meeting**

- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 của Quỹ
- *Approval of the 2023 Activity Report*
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Quỹ
- *Approval of 2023 Fund's audited financial statements*

- Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023
- *Approval of the Fund's 2023 Profit Retention Plan*
- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ
- *Approval of the Fund's 2024 operational plan*
- Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Quỹ trong danh sách các Công ty kiểm toán do Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ với mức phí cạnh tranh.
- *Approval for the General Meeting of Investors to authorize the Fund's Representative Board to select an auditing firm to review the semi-annual financial statements and audit the annual financial statements of the Fund for the 2024 fiscal year from the list of audit firms proposed by Mirae Asset Fund Management (Vietnam) LLC, ensuring compliance with the Fund's Charter and a competitive fee.*
- Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2024
- *Approval of the operating budget of the Fund's Representative Board for 2024.*
- Thông qua danh sách Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ 2024 – 2029
- *Approving the list of Fund Representatives for the term 2024 - 2029*
- Thông qua Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung
- *Approval of the amended and supplemented Fund Charter*

Đính kèm là Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF")

*Attached is the Resolution of the Annual General Meeting of Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund ("MAGEF")*



Nghị quyết AGM  
2024\_MAGEF.pdf

## **ĐHNDT bất thường lần thứ nhất**

### **1st Extraordinary General Meeting**

- Thông qua việc thay đổi Giá dịch vụ phát hành trả cho Công ty quản lý quỹ
- *Approval of change in the Service Price paid to the Fund Management Company*
- Thông qua Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung
- *Approval of the amended and supplemented Fund Charter*
- Nghị Quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.
- *The Resolution takes effect from the date of signing. Members of the Fund Representative Board, Mirae Asset Fund Management Company Limited (Vietnam) and related individuals and units are responsible for implementing this Resolution.*

Đính kèm là Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường lần thứ nhất Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ('MAGEF')

*Attached is the Resolution of 1st Extraordinary General Meeting of Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund ('MAGEF')*



20240725\_CBTB BB  
NQ DHNDT bat thuc

h) Trong giai đoạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2024, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đã tuân thủ theo các nội dung quy định tại điều 45 Thông tư 183 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, và quản lý thông tin.

*h) During the period from January 1, 2024 to December 31, 2024, Mirae Asset Fund Management Company Limited (Vietnam) has complied with the provisions of Article 45 of Circular 183 guiding the establishment and management of open-end funds on the Reporting, record keeping, and information management regime.*

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 2. Reporting on operations of the fund:

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2024

a) Information about the investment portfolio and the NAV of the fund determined at December 31st 2024

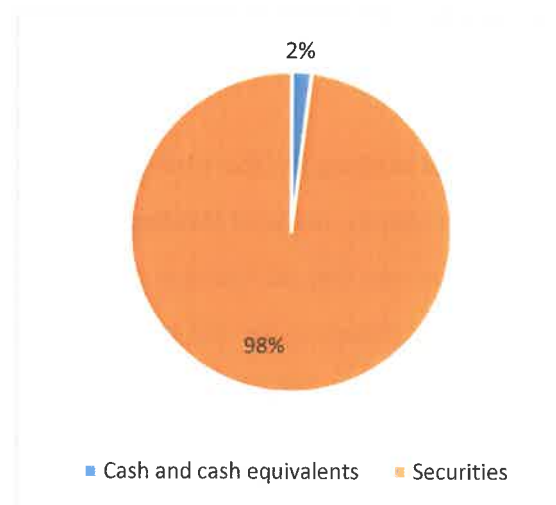
- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu,...)

*- The investment portfolio of the fund, sorted by business sectors/ fields and product types (stocks, bonds, etc.)*

**PHÂN BỐ TÀI SẢN**



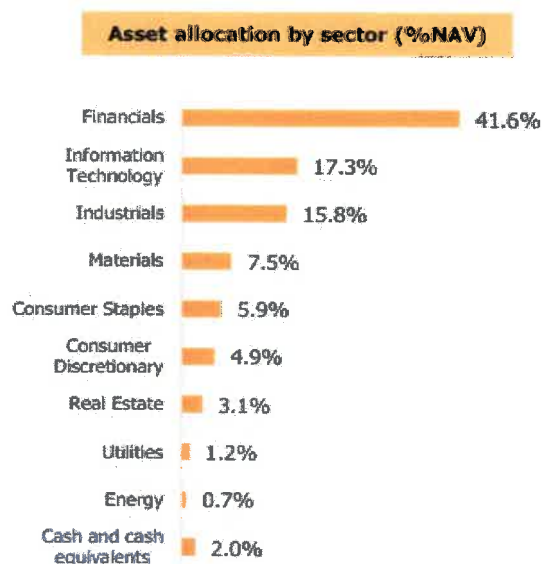
**ASSET ALLOCATION**



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



## SECTORAL PORTFOLIO STRUCTURE



- Giá trị tài sản ròng của quỹ: 527.711.575.958 VND
- NAV of the fund: 527.711.575.958 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 17.070,42 VND
- NAV per fund unit: 17.070,42
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 30.913.785,47
- Number of outstanding fund certificates: 30.913.785,47
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm 2024: 17.445,12 VND
- The highest/ NAV per fund unit in 2024: 17.445,12 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm 2024: 13.859,51 VND
- The lowest NAV per fund unit in 2024: 13.859,51 VND
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi,...) (giá trị thu nhập)
- Total profits of the fund/ the securities investment company, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value);

| Chỉ tiêu (VND)<br>Indicator (VND)                                   | Từ 01/01/2024 đến<br>31/12/2024<br>From 01/01/2024 to<br>31/12/2024 |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Lãi bán các khoản đầu tư<br>Realized gain from disposal investments | 22,333,580,554                                                      |

|                                                                                                               |                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện<br><i>Unrealized gain from investment revaluation</i> | 75,103,575,746 |
| Cổ tức<br><i>Dividend income</i>                                                                              | 9,135,004,700  |
| Trái tức<br><i>Interest income from bonds</i>                                                                 | 0              |
| Lãi tiền gửi<br><i>Interest income from bank deposits</i>                                                     | 0              |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: trong năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

- *Distributed profits per fund unit/ per share of the securities investment company (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units/shares of the securities investment company; Time of profit distribution; NAV per fund unit/ per share of the securities investment company determined before and after the profit distribution;*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và tốc độ vòng quay danh mục trong năm 2024

- *The operating expense ratio and portfolio turnover rate of the fund in 2024*

| Chỉ tiêu<br><i>Indicator</i>                                                                   | Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024<br><i>From 01/01/2024 to 31/12/2024</i> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ trong năm 2024<br><i>Operating expense ratio in 2024 (%)</i>   | 2,28%                                                                |
| Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trong năm 2024<br><i>Portfolio turnover rate in 2024 (%)</i> | 68,95%                                                               |

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

*b) Profit indicator of the fund*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ: 12.11%

*Average annual profit of the fund: 12.11%*

c) Các chỉ tiêu so sánh khác:

*c) Other comparison indicators:*

Trong năm 2024, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

*In 2024, the determination of the fund's net asset value complied with applicable laws, the fund's Charter, and the Prospectus.*

### **3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

#### **3. Reporting on management of assets by the fund management company**

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có

*a) Explanations about the replacement of the fund management company: None*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không có

*b) Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund : None*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

*c) Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph): the fund has no reference portfolio*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

*d) Comparison between the profits earned by the fund/securities investment company and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph): the fund has no reference portfolio*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

*e) Description of investment strategies which have been applied by the fund/securities investment company during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:*

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư chủ động khi xây dựng danh mục đầu tư tập trung vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch có vốn hóa lớn, thanh khoản cao và cổ phiếu sẽ niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*The Fund's investment strategy is to actively invest in building a portfolio focusing on listed stocks, registered for trading with large capitalization, high liquidity and stocks that will be listed and registered for trading on the Vietnamese stock market.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ kỳ liền kề kỳ báo cáo:

*f) Description of the difference between the investment portfolio of the fund/securities investment company at the reporting time and that in the year preceding the reporting year;*

Hầu hết các ngành đều ghi nhận mức giá tăng, ngành dịch vụ truyền thông ghi nhận mức tăng lớn nhất trong tháng (29%) khi cổ phiếu Yeah1 tăng vọt nhờ thành công của sự kiện âm nhạc của công ty. Ngành CNTT cũng có hiệu suất tốt sau khi CEO NVIDIA Jensen Huang đến thăm Việt Nam và công bố thành lập trung tâm R&D tại địa phương. Ở chiều ngược lại, ngành năng lượng có giá giảm do triển

vọng giá dầu được điều chỉnh giảm sau tuyên bố của Tổng thống đắc cử Hoa Kỳ Trump về việc tăng sản lượng dầu thô.

*While most sectors recorded positive returns, the communication services sector recorded the largest increase (29%) as entertainment stock Yeah1 surged due to the success of their large-scale concerts. The IT sector also recorded positive performance after NVIDIA CEO Jensen Huang visited Vietnam and announced the establishment of a local R&D center. On the other hand, the energy sector showed the weakest performance due to the downward revision of the oil price outlook following US President-elect Trump's declaration to increase crude oil production.*

Quỹ đã ghi nhận hiệu suất 2,3% vào tháng 12, vượt trội hơn VN-Index 1%. Điều này chủ yếu nhờ vào tỷ trọng lớn của cổ phiếu FPT và ngân hàng và tỷ trọng thấp trong ngành Năng lượng. Tổng kết lại, trong năm 2024, MAGEF đã đạt mức lợi nhuận 22,9%, vượt trội hơn chỉ số tham chiếu VN-Index 10,8%.

*The fund returned 2.3% in December, outperforming the VN-Index by 1%. This is mainly thanks to an overweight in FPT and banks stocks and an underweight in Energy sector. Overall, in 2024, MAGEF made a return of 22.9%, outperforming the benchmark VN-Index by 10.8%.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối) tại kỳ báo cáo này với kỳ báo cáo gần nhất:

*g) Analysis on operating results of the fund/securities investment company on the basis of comparison between the NAV per fund unit/share of the securities investment company (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period:*

Tính đến 31/12/2024, NAV/ccq của MAGEF là 17.070,42 đồng, tăng 22,92% so với thời điểm tại ngày 31/12/2023.

*As of December 31, 2024, MAGEF's NAV/share is VND 17,070.42, an increase of 22.92% compared to December 31, 2023.*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Fed đã đưa ra thông điệp “diều hâu” trong cuộc họp tháng 12 khi dự kiến chỉ có hai lần cắt giảm lãi suất vào năm 2025, ít hơn so với dự phóng trước đó là bốn lần. Cùng với các hoạt động chốt lời sau một năm thành công, những sự kiện này đã khiến thị trường chứng khoán Hoa Kỳ sụt giảm trong tháng. Ngược lại, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có mức tăng tốt trong tháng 12 khi các nhà đầu tư nước ngoài giảm bán ròng và mua lại nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn có định giá hấp dẫn. Kết quả là chỉ VN-Index kết thúc năm ở mức 1.266,78 điểm, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 12,1% trong cả năm 2024.

*The Fed showed a hawkish tone in its December meeting by projecting only two rate cuts in 2025, fewer than the previous consensus of four cuts. Together with profit-taking activities after a year-long rally, these events resulted in a slump for the US stock market during the month. On the contrary, the Vietnamese stock market enjoyed a good gain in December as foreign investors significantly reduced their net selling and repurchased mainly undervalued large-cap stocks. As a result, the VN-Index ended the year at 1266.78, a 1.3% m/m and 12.1% y/y increase.*

Bất chấp đà tăng, hoạt động giao dịch vẫn chậm chạp trước kỳ nghỉ lễ cuối năm, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HSX được ghi nhận ở mức 13,5 nghìn tỷ đồng, giảm 11% so với tháng trước. Áp lực bán của các nhà đầu tư nước ngoài đã chậm lại đáng kể, với khối lượng bán ròng trên HSX chỉ còn 2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 80% so với tháng trước.

*Despite the rally, trading activity remained sluggish ahead of the year-end holiday season, with the daily average trading volume at the Ho Chi Minh Stock Exchange recorded at VND13.5tn, a 11% drop m/m. Foreign investors' selling pressure slowed considerably, with the net selling amount on the HSX reaching VND 2.3tn, down 80% m/m.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

*i) Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division);*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

*k) Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates/shareholders of the securities investment company are influenced;*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : không có

*l) Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any);*

#### **4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

##### **4. Reporting on operations of the supervisory bank**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF" hoặc "Quỹ") đối với các nội dung sau:

*The custodian bank must give its opinion on the compliance with the law, regulations in the Fund Charter, and Prospectus of Mirae Asset Fund Management Company Limited during the operation and management of Mirae Asset Vietnam Growth Equity Investment Fund ("MAGEF" or "Fund") for the following contents:*

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

*a) During our supervision of the Fund's investments and asset transactions for the period from 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund's investment portfolio complied with investment limits under the prevailing regulations for open-end fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations.*

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.

*b) Assets Valuation and Pricing of the Fund units were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus, Valuation Manual approved by Board of Representatives of the Fund and other prevailing regulations.*

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

*c) Fund subscriptions and redemptions were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus, and other prevailing regulations.*

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

d) *For the period from 01st January 2024 to 31st December 2024, the Fund did not distribute profits and pay dividend to Fund Unit Holders.*

## **5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN**

### **5. Reporting on authorized activities**

Đối với Quỹ MAGEF, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

*For the MAGEF fund, the authorized entities include:*

- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) provide transfer agent service*
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- *Standard Chartered (Vietnam) Limited provide fund management service*
- Công ty Cổ Phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Mirae Asset Securities Company (Vietnam) Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Bao Viet Securities Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *KB Vietnam Securities Joint Stock Company (KBSV) provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *SSI Securities Corporation (SSI) provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *KIS Vietnam Securities Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade Securities Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Thien Viet Securities Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Fincorp cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Fincorp Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần KB Fina cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *KB Fina Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- *Vina Securities Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service*
- Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

- Techcom Securities Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service
- Công ty Cổ Phần Chứng khoán KB Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- KB Securities Vietnam Joint Stock Company provide fund certificate distribution agent service
- Công ty TNHH Chứng Khoán NH Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- Vietnam NH Securities Company Limited (“NHSV”) provide fund certificate distribution agent service
- Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance cung cấp dịch vụ đại lý phân phối chứng chỉ quỹ
- Digifinance technology finance joint stock company provide fund certificate distribution agent service

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

a) Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party

|                                                                        | <b>Chi phí<br/>năm 2024<br/>(VNĐ)<br/>Expense<br/>in 2024<br/>(VND)</b> | <b>Tỉ lệ so với<br/>Lợi nhuận<br/>Ratio to<br/>Profit</b> | <b>Tỉ lệ so<br/>với<br/>Thu nhập<br/>Ratio to<br/>Income</b> | <b>Tỉ lệ so với<br/>Tổng chi phí<br/>hoạt động<br/>Quỹ<br/>Ratio to<br/>Total<br/>Fund<br/>Operating<br/>Expenses</b> |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ<br><i>Fund administrative fee</i>         | 604.890.000                                                             | 0.64%                                                     | 0.57%                                                        | 5.84%                                                                                                                 |
| Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển<br>nhượng<br><i>Transfer agent fee</i>   | 158.400.000                                                             | 0.17%                                                     | 0.15%                                                        | 1.53%                                                                                                                 |
| Chi phí giao dịch trả Đại lý phân<br>phối<br><i>Other service fees</i> | 0                                                                       | 0 %                                                       | 0 %                                                          | 0 %                                                                                                                   |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

b) Impacts of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund/securities investment company

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

c) Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company);

| <b>STT</b><br><i>Numerical</i> | <b>Chỉ tiêu</b><br><i>Indicator</i>                                                                     | <b>Số tiền</b><br><i>Amount</i> |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1                              | Phí dịch vụ quản trị Quỹ<br><i>Fund administrative fee</i>                                              | 604.890.000                     |
| 2                              | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng<br><i>Transfer agent fee</i>                                       | 158.400.000                     |
| 3                              | Chi phí giao dịch trả Đại lý phân phối<br><i>Other service fees</i>                                     | 0                               |
| 4                              | Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền của Quỹ<br><i>Total expense of the Fund's authorized activities</i> | 763.290.000                     |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

*d) Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors: Good*

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**  
**MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED**

**Tổng giám đốc kiêm đại diện pháp luật**

**CEO and legal representative**



**Soh Jin Wook**